

Bản án số: 40/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 13-6-2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Xiêm

2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/5/2019.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn T, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp T1, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không có lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước chị và anh Trương Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào ngày 20/8/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Mỏ Cày Bắc, vào ngày 20/6/2017. Sau khi thành hôn, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 10/2016 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh T chửi

chị và chị đã dắt con về nhà cha mẹ ruột sống để mong anh T sửa đổi, vợ chồng cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, hy vọng đó không được thực hiện do anh T vẫn không thay đổi. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị có gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị xin được ly hôn với anh T vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Phạm Tấn T2, sinh ngày 30/9/2007 và Trương Gia H, sinh ngày 27/4/2007, hiện hai con đang sống với chị. Nay ly hôn, chị xin nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2019, bị đơn anh Trương Văn T trình bày như sau:

Anh thống nhất phần trình bày của chị N về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Sau khi thành hôn, anh chị sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nhiều nhưng chị N thường hay đi chơi, tụ tập bạn bè, thỉnh thoảng chị N cũng có nhậu nhẹt không lo lắng cho gia đình. Theo anh, chị N có quen người đàn ông khác bên ngoài nhưng anh không có chứng cứ cụ thể, anh chỉ có chụp hình được biển số xe của người đàn ông đó. Chị N đã bỏ nhà đi khoảng 03 tháng và anh chị chính thức sống ly thân từ thời gian này cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh có liên lạc điện thoại với chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Phạm Tấn T2, sinh ngày 30/9/2007 và Trương Gia H, sinh ngày 27/4/2007, hiện hai con đang sống với chị N. Nay ly hôn, anh xin nuôi hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Vì lý do nhà chị N có nhiều người tụ tập nhậu nhẹt.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại Biên bản lấy ý kiến ngày 04/5/2019, cháu Trương Gia H trình bày như sau:

Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Theo cháu, mẹ có đầy đủ điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất và tinh thần cho cháu.

Tại Biên bản lấy ý kiến ngày 01/4/2019, cháu Phạm Tấn T2 trình bày như sau:

Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Theo cháu, mẹ có đầy đủ điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất và tinh thần cho cháu.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn của anh Trương Văn T và chị Phạm Hồng N đề ngày 01/4/2019 có nội dung như sau:

Chị N và anh T sau khi kết hôn sống tại gia đình anh T ở xã N. Trong thời gian chung sống, anh T thường hay chửi chị N nên chị N có bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Vĩnh Long sinh sống cách nay khoảng 04 tháng. Trong thời gian này, anh T có đến tìm chị N nhưng chị N không đồng ý hàn gắn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn T và chị Phạm Thị Hồng N; Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị Hồng N trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Tấn T2, sinh ngày 30/9/2007 và Trương Gia H, sinh ngày 27/4/2007, anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị Hồng N không có yêu cầu; Tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/5/2019 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N là phù hợp. Đối với bị đơn anh Trương Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Phạm Thị Hồng N và anh Trương Văn T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi thành hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Theo chị N trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh T chửi chị và chị đã dắt con về nhà cha mẹ ruột sống để mong anh T sửa đổi, vợ chồng cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, hy vọng đó không được thực hiện do anh T vẫn không thay đổi. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống

ly thân anh chị không có gặp gỡ nhau để tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xin được ly hôn với anh T vì không còn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do chị N thường hay đi chơi, tụ tập bạn bè, thỉnh thoảng chị N cũng có nhậu nhẹt không lo lắng cho gia đình. Theo anh, chị N có quen người đàn ông khác bên ngoài nhưng anh không có chứng cứ cụ thể, anh chỉ có chụp hình được biển số xe của người đàn ông đó. Chị N đã bỏ nhà đi khoảng 03 tháng và anh chị chính thức sống ly thân từ thời gian này cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh có liên lạc điện thoại với chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý. Tại biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị N cũng xác định được anh T và chị N đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay và anh chị đã có gặp gỡ nhau để hàn gắn nhưng không thành. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Phạm Tấn T2, sinh ngày 30/9/2007 và Trương Gia H, sinh ngày 27/4/2007. Nay ly hôn, cả chị N và anh T đều có nguyện vọng được nuôi hai con chung. Xét thấy, tại biên bản lấy ý kiến cháu H và cháu T2 đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị N, anh T cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh anh, chị có đủ khả năng nuôi con nhưng không ai cung cấp được. Tuy nhiên, cháu T2 và cháu H hiện đang sống với chị N và chị N cũng đảm bảo đủ điều kiện cho cháu T2 và cháu H được phát triển tốt về thể chất, tinh thần và học tập. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý của cháu T2 và cháu H nên để chị N tiếp tục nuôi cháu T2 và cháu H là phù hợp với quy định pháp luật đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T2 và cháu H. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng là sự tự nguyện của chị N nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản*:

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập.

[5] *Về án phí*: Chị Phạm Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng N và anh Trương Văn T.

Chị Phạm Thị Hồng N và anh Trương Văn T được ly hôn với nhau.

2. Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị Hồng N trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Tấn T2, sinh ngày 30/9/2007 và Trương Gia H, sinh ngày 27/4/2007, anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị Hồng N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập.

4. Về án phí:

Chị Phạm Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số ***** ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Kim Sang